

Câu 41: Vấn đề cần quan tâm trong phát triển kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là

- A. thủy lợi. B. giống cây. C. nước ngầm. D. môi trường.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

- A. Bắc Kạn. B. Thái Nguyên. C. Nghĩa Lộ. D. Cao Bằng.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường sắt từ Hà Nội nối với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

- A. Nậm Cắn. B. Tây Trang. C. Cầu Treo. D. Hữu Nghị.

Câu 44: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phân bố

- A. khắp mọi nơi. B. tập trung. C. phân tán. D. rất đồng đều.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường bờ biển và biên giới quốc gia?

- A. Nam Định. B. Thái Bình. C. Thanh Hóa. D. Ninh Bình.

Câu 46: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Cam-pu-chia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Mi-an-ma
Xuất khẩu	15,8	181,7	207,0	22,6
Nhập khẩu	16,2	169,6	185,3	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

- A. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Cam-pu-chia. B. Mi-an-ma thấp hơn In-đô-nê-xi-a.
C. Ma-lai-xi-a cao hơn Mi-an-ma. D. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 47: Làm ruộng bậc thang trong sản xuất ở đồi núi nước ta là biện pháp để

- A. hạn chế xói mòn. B. chống ngập úng. C. ngăn hạn mặn. D. ngăn lũ quét.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Sông Kinh Thầy. B. Sông Hồng. C. Sông Lục Nam. D. Sông Thương.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Liên Khương thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Đắk Nông. B. Đắk Lắk. C. Kon Tum. D. Lâm Đồng.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều cao su trong các tỉnh sau đây?

- A. Vĩnh Long. B. Sóc Trăng. C. Bình Phước. D. Hậu Giang.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía bắc núi Chí Linh?

- A. Rào Cỏ. B. Phu Hoạt. C. Phu Pha Phong. D. Pu Xai Lai Leng.

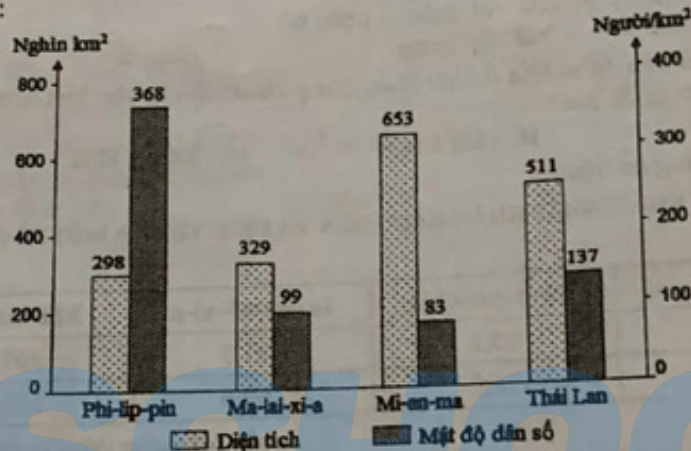
Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều dừa trong các tỉnh sau đây?

- A. Cao Bằng. B. Hà Tĩnh. C. Kon Tum. D. Trà Vinh.

Câu 53: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

- A. thủy triều. B. than đá. C. sức gió. D. thác nước.

- Câu 54:** Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta vào mùa khô?
☒ A. Hạn mặn. ☐ B. Sóng thần. ☐ C. Bão biển. ☒ D. Ngập lụt.
- Câu 55:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu?
☒ A. TP. Hồ Chí Minh. ☐ B. Cần Thơ. ☐ C. Hải Phòng. ☐ D. Vũng Tàu.
- Câu 56:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?
☐ A. Hạ Long. ☐ B. Vinh. ☐ C. Thanh Hóa. ☒ D. Nam Định.
- Câu 57:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Huế?
☐ A. Khe Sanh. ☐ B. Đá Nhảy. ☒ C. Thuận An. ☐ D. Thiên Cầm.
- Câu 58:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác apatit?
☐ A. Điện Biên. ☐ B. Cao Bằng. ☒ C. Lào Cai. ☐ D. Thái Nguyên.
- Câu 59:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?
☐ A. Sa Pa. ☐ B. Nha Trang. ☐ C. Đà Nẵng. ☒ D. Đồng Hới.
- Câu 60:** Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020
 (Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

- ☒ A. Phi-lip-pin gấp hơn ba lần Ma-lai-xi-a. ☐ B. Thái Lan lớn hơn Phi-lip-pin.
☐ C. Thái Lan gấp hơn hai lần Mi-an-ma. ☐ D. Ma-lai-xi-a lớn hơn Mi-an-ma.
- Câu 61:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Cửa Lò thuộc tỉnh nào sau đây?
☐ A. Quảng Trị. ☒ B. Nghệ An. ☐ C. Quảng Bình. ☐ D. Hà Tĩnh.
- Câu 62:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP lớn nhất trong các trung tâm sau đây?
☐ A. Mỹ Tho. ☐ B. Long Xuyên. ☒ C. Biên Hòa. ☐ D. Cà Mau.
- Câu 63:** Mạng lưới đường ô tô nước ta hiện nay
☒ A. được mở rộng và phủ khắp các vùng. ☐ B. chủ yếu hướng đông tây và độ dài lớn.
☐ C. đã hiện đại hóa và chủ yếu là cao tốc. ☐ D. dày đặc và tập trung nhiều ở miền núi.
- Câu 64:** Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có
☒ A. thực vật bốn mùa xanh tốt. ☐ B. một số loại đất độ phì cao.
☐ C. nhiều vùng núi khác nhau. ☐ D. các loại gió thổi theo mùa.
- Câu 65:** Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay
☒ A. làm thay đổi tỉ trọng của dịch vụ. ☐ B. hình thành các vùng chuyên canh.
☒ C. tạo nên các khu kinh tế cửa khẩu. ☐ D. chỉ tập trung ở khu vực Nhà nước.
- Câu 66:** Dân cư thành thị nước ta hiện nay
☒ A. hầu hết hoạt động trong công nghiệp. ☐ B. có tỉ lệ còn thấp trong cơ cấu dân số.
☐ C. chỉ tập trung tại các vùng đồng bằng. ☐ D. đều có trình độ khoa học kĩ thuật cao.

Câu 67: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa. B. phát triển nhanh kinh tế thị trường.
C. tăng cường quá trình hiện đại hóa. D. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.

Câu 68: Hoạt động khai thác dầu khí ở nước ta hiện nay

- A. góp phần vào phát triển nhiệt điện. B. hoàn toàn phục vụ cho xuất khẩu.
C. có sản lượng đều nhau ở các năm. D. phát triển rộng rãi khắp các vùng.

Câu 69: Hoạt động đánh bắt hải sản ở nước ta hiện nay

- A. chỉ chú trọng vào các loài cá quý. B. chủ yếu nhằm phục vụ xuất khẩu.
C. diễn ra ở tất cả các tỉnh giáp biển. D. phân bố hoàn toàn ở vùng ven bờ.

Câu 70: Chăn nuôi gia cầm ở nước ta hiện nay

- A. phân bố tập trung tại các vùng núi. B. chủ yếu nhằm cung cấp thực phẩm.
C. sử dụng phần lớn thức ăn tự nhiên. D. có phần lớn sản phẩm để xuất khẩu.

Câu 71: Giải pháp chủ yếu phát triển cây ăn quả ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. nâng cao trình độ lao động, sản xuất trang trại. B. tăng chuyên canh, gắn với thị trường tiêu thụ.
C. mở rộng diện tích, ứng dụng công nghệ mới. D. sử dụng các giống tốt, tăng cường thâm canh.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. sử dụng hợp lý tự nhiên, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.
B. đa dạng nông sản, phát triển mô hình kinh tế mới, khai thác thế mạnh.
C. tăng sản xuất hàng hóa, nâng vị thế của vùng, khai thác các tiềm năng.
D. giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, hạn chế nạn du canh.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của đa dạng hóa loại hình du lịch ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo nhiều việc làm. B. tạo nhiều sản phẩm, tăng sự hấp dẫn của vùng.
C. đáp ứng thị trường, khai thác nhiều thế mạnh. D. thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 74: Trị giá xuất khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. cơ cấu kinh tế thay đổi, có nhiều ngành mới. B. đô thị mở rộng, chất lượng cuộc sống tăng.
C. kinh tế tăng trưởng, hội nhập toàn cầu rộng. D. sản xuất phát triển, đẩy mạnh công nghiệp.

Câu 75: Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020
(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	843,3	688,2	1 429,8	1 358,3
Quốc tế	3 198,0	4 955,2	4 788,9	2 203,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Tròn, đường, miền. B. Miền, cột, tròn. C. Cột, đường, miền. D. Đường, tròn, cột.

Câu 76: Vùng Tây Bắc Bộ có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Bắc Trung Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió tây nam, Tín phong bán cầu Bắc, hướng của địa hình đồi núi, vị trí địa lí.
B. Tín phong bán cầu Bắc, gió phơn Tây Nam, vị trí địa lí, dải hội tụ nhiệt đới.
C. gió đông bắc, khối khí Bắc Ấn Độ Dương đến, gió mùa Tây Nam, địa hình.
D. gió phơn Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, độ cao vùng núi, gió mùa Tây Nam.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng phòng hộ ở Tây Nguyên là

- A. chống sạt lở đất, bảo vệ động vật hoang dã. B. góp phần chống lũ, điều hòa nước các sông.
C. phòng chống xói mòn, mở rộng độ che phủ. D. giữ gìn cảnh quan, duy trì đa dạng sinh học.

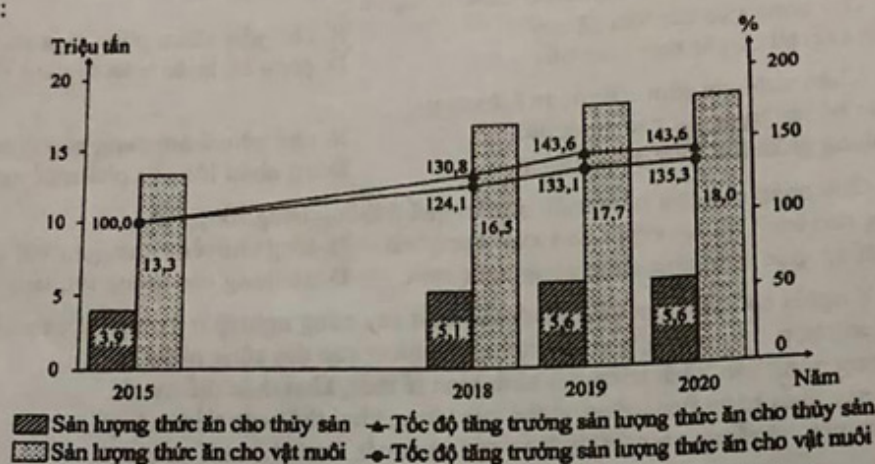
Câu 78: Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả tự nhiên trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. sử dụng các giống tốt, đẩy mạnh xuất khẩu. B. có cơ cấu sản xuất hợp lý, chú ý nước ngọt.
C. thâm canh, mở rộng diện tích đất trồng trọt. D. tăng vụ, thúc đẩy sản xuất chuyên môn hóa.

Câu 79: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. sử dụng hợp lí thiên nhiên, đa dạng nông sản, giải quyết vấn đề việc làm.
- B. phát huy thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
- C. khai thác tiềm năng, tăng thu nhập dân cư, tạo nguyên liệu công nghiệp.
- D. làm tăng giá trị tài nguyên, thay đổi bộ mặt nông thôn, mở rộng sản xuất.

Câu 80: Cho biểu đồ về sản xuất thức ăn cho thủy sản và thức ăn cho vật nuôi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.
- B. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.
- C. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.
- D. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.